

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Hưng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tím.

2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành: Bà Bùi Thị Nhuận - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn K**, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm 11 thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 11 thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Xóm 9 thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh **Đỗ Văn K** trình bày: Anh và chị **Vũ Thị N** được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2007 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do: Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do chị N đối xử với gia đình nhà chồng không tốt; tính cách, quan điểm vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu căng thẳng hơn do anh nghi ngờ chị N không chung thủy nhưng vì thương con nên anh bỏ qua. Nhưng đến năm 2015 và 2017 chị N vẫn tái diễn có những biểu hiện không chung thủy nên mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp diễn và ngày càng căng thẳng hơn. Do không chấp nhận một người vợ như vậy nên khoảng tháng 10/2017 anh đã yêu cầu chị N đi ra ngoài sống, không cho ở nhà anh nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ Thị N.

Về con chung: anh K xác định vợ chồng có 02 con là Đỗ Thị Ph, sinh ngày 15/10/2009 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 05/4/2013. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh không được nuôi cả hai con thì mỗi vợ chồng nuôi một con, anh nuôi con nào cũng được, mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: anh K xác định để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Vũ Thị N trình bày: Chị và anh Đỗ Văn K được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2007 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do: Anh K nghi ngờ về việc chị ngoại tình nhưng đây chỉ là sự hiểu nhầm. Vào năm 2014 có chị hàng xóm nhắn tin cho anh K nói rằng chị ngoại tình với chồng chị ta nhưng thực tế không phải như vậy, dẫn đến vợ chồng chị cãi nhau, chị đã yêu cầu chị hàng xóm phải xin lỗi và chị đã viết đơn lên UBND xã để tố cáo chị ta vu khống và bôi nhọ danh sự nhân phẩm của chị. Năm 2017 có người bạn nhắn tin trên đũa chị nhưng anh K hiểu nhầm là chị ngoại tình với anh ta nhưng sự thật không phải như vậy nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Do vậy đến tháng 10 năm 2017 anh K đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải ra ngoài thuê nhà ở tại xóm 9 thôn V, xã K sinh sống. Từ đó đến nay mỗi người sống một nơi. Tuy mâu thuẫn giữa vợ chồng như vậy nhưng chị vẫn yêu chồng nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: chị N xác định vợ chồng có 02 con là Đỗ Thị Ph, sinh ngày 15/10/2009 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 05/4/2013. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị không được nuôi cả hai con thì mỗi vợ chồng nuôi một con, chị xin nuôi cháu N, còn để anh K nuôi cháu Ph, không ai phải cấp dưỡng

nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: chị N xác định để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Theo lời khai của cháu Đỗ Thị Ph: Hiện cháu đang ở với bố và ông bà nội tại thôn Thiên Đông, cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin ở với mẹ.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã K: Anh Đỗ Văn K và chị Vũ Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 05/7/2007. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tình cảm nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Địa phương đã hòa giải cho anh chị ấy nhiều lần nhưng không thành, hiện chị N đã ra ngoài thuê nhà sống riêng từ năm 2017 đến nay.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Ch là trưởng thôn T cung cấp: Vợ chồng K N có mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng hay cãi nhau, nhiều lần anh K đuổi chị N ra khỏi nhà. Thôn đã hòa giải cho vợ chồng K N nhiều lần nhưng không thành. Khoảng năm 2017 chị N đã ra ngoài thuê nhà sống riêng, từ đó đến nay không sống ở nhà chồng nữa.

Theo lời khai của ông Đỗ Ái D cung cấp: Vợ chồng K N có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N không chung thủy nên vợ chồng hay cãi nhau, ngoài mâu thuẫn giữa vợ chồng thì chị N còn mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Khoảng cuối năm 2017 chị N đã ra ngoài thuê nhà ở, từ đó đến nay không về nhà ông sống nữa.

Tại phiên tòa anh Đỗ Văn K vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm. Chị Vũ Thị N có mặt và giữ nguyên quan điểm.

Đại diện VKSND huyện Kim Thành phát biểu quan điểm xác định những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quy định của pháp luật. Anh Đỗ Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị tòa án áp dụng khoản 1 Điều 227 BLTTDS xử vắng mặt anh K.

- Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị TAND huyện Kim Thành áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đỗ Văn K được ly hôn chị Vũ Thị N; Về con chung: để vợ chồng mỗi người nuôi một con, anh K nuôi con Đỗ Bảo N, còn chị N nuôi con Đỗ Thị Ph; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều cư trú tại xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn K theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Thành. Anh Đỗ Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Anh Đỗ Văn K và anh Vũ Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2007 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào các lời khai của anh K, chị N, biên bản xác minh và các lời khai của các người làm chứng xác định vợ chồng K N có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ về mặt tình cảm, anh K cho rằng chị N không chung thủy nên vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng, nhiều lần gia đình cũng như địa phương đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Từ tháng 10/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, Tòa án đã cho anh chị thời gian để hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng hơn, anh K vẫn kiên quyết xin ly hôn không muốn đoàn tụ, chị N không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng K N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, xử cho anh K được ly hôn chị N là phù hợp thực tế và các quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh K và chị N xác định vợ chồng có 02 con là Đỗ Thị Ph, sinh ngày 15/10/2009 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 05/4/2013. Khi ly hôn anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp không được nuôi cả 02 con thì anh K xin được nuôi con nào cũng được, còn chị N có quan điểm xin nuôi cháu Ph để anh K nuôi cháu N. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh K và chị N đều chính đáng, anh chị đều có việc làm ổn định, có thu nhập nên có thể đảm bảo cho con về mặt vật chất. Tuy nhiên, vợ chồng có 02 con và ai cũng muốn nuôi con nên HĐXX xem xét giao mỗi con cho một người nuôi để đảm bảo cho mỗi con được nuôi dưỡng tốt và được đảm bảo đầy đủ về mặt chất lẫn tinh thần cũng như đảm bảo được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của cả anh K và chị N. Cháu Ph có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, do vậy HĐXX giao cháu Đỗ Thị Ph, sinh ngày 15/10/2009 cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 05/4/2013 cho anh K nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Vì mỗi người nuôi dưỡng một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị N đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết; Còn về nợ chung thì vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn K: Xử cho anh Đỗ Văn K ly hôn chị Vũ Thị N.

- Về con chung: giao con Đỗ Bảo N, sinh ngày 05/4/2013 cho anh Đỗ Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đỗ Thị Ph, sinh ngày 15/10/2009 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom con chung.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn K phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000724 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Anh K đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho anh Đỗ Văn K biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; báo cho chị Vũ Thị N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Thế Hưng